

Số: **36**/2025/QĐST-HNGĐ

Hàm Thuận Bắc, ngày 14 tháng 5 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

(V/v: yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật)

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hà

Thư ký phiên họp: Ông Châu Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 33/2025/TLST-VDS ngày 02 tháng 4 năm 2025 về việc “*Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật*”.

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1965 (có mặt)

+ Bà Trần Thị N, sinh năm 1968 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã H

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã H4: Ông Võ Văn T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị Thanh P – Công chức Tư pháp – Hộ tịch.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và lời trình bày của ông Nguyễn Quang H1 Trần Thị N1 quá trình giải quyết vụ việc kèm theo tài liệu chứng cứ thể hiện: Vào ngày 30 tháng 8 năm 1985, ông Nguyễn Quang H và bà Trần Thị N2 tìm hiểu và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H4, huyện H, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 212. Tại thời điểm đăng ký kết hôn bà Trần Thị N3 đủ tuổi đăng ký **kết hôn theo** quy định tại Điều 6 của luật Hôn nhân-gia đình 1959 về điều kiện kết hôn “*Con gái từ 18 tuổi trở lên, con trai từ 20 tuổi trở lên mới được kết hôn*”. Tại Giấy chứng nhận kết hôn và sổ bộ ghi bà Trần Thị N, sinh năm 1967, nhưng thực tế tại Giấy khai sinh thể hiện bà Trần Thị N, sinh ngày 10/10/1968.

Nay ông bà có đơn yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Quang H2 bà Trần Thị N4 Giấy chứng nhận kết hôn số 212 đăng ký ngày 30/8/1985 của Ủy ban nhân dân xã H Yêu cầu công nhận quan hệ vợ chồng ông Nguyễn Quang H2 bà Trần Thị N5 ngày **11/10/1985**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã H: Qua kiểm tra rà soát sổ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 212 đăng ký ngày 30/8/1985 thấy rằng ngày 30/8/1985 Ủy ban nhân dân xã H đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 212 quyển số 01 cho ông Nguyễn Quang H2 bà Trần Thị N. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, bà N đã khai năm sinh là 1967, chưa đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 thấy chưa đủ điều kiện đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân xã H tiến hành đăng ký kết hôn cho bà Trần Thị N6 ông Nguyễn Quang H3 không yêu cầu xuất trình chứng minh nhân dân, giấy khai sinh, sổ hộ khẩu gia đình để kiểm tra đối chiếu dẫn đến việc đăng ký kết hôn trái pháp luật khi bà N3 đủ tuổi đăng ký kết hôn. Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Công nhận quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Quang H2 bà Trần Thị N5 ngày **11/10/1985**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc tham gia phiên họp có ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và đề nghị: Chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Quang H2 bà Trần Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Quang H2 bà Trần Thị N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H4, huyện H 30/8/1985. Ngày 26/3/2025, ông Nguyễn Quang HTrần Thị N7 đơn yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật. Căn cứ Khoản 1 Điều 29; điểm b Khoản 2 Điều 35, điểm g Khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 6 Điều 3, Điều 11 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

[2]Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của ông Nguyễn Quang H1 Trần Thị N8 rằng: Nguyễn Quang H1 Trần Thị N tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H4, huyện H, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 212 quyển số 01 ngày 30/08/1985. Khi đăng ký kết hôn bà Trần Thị N9 sinh năm 1967 cho Ủy ban nhân dân xã H tại Sổ bộ theo dõi đăng ký kết hôn ghi bà Trần Thị N10 năm 1967 mà không đối chiếu với các giấy tờ

khác. Nay cấp lại căn cước công dân bà Trần Thị N10 ngày 10/10/1968 là phù hợp với tài liệu như: Giấy khai sinh của bà Trần Thị N6 bản khai của các đương sự. Như vậy, bà Trần Thị N10 ngày 10/10/1968 đến thời điểm đăng ký kết hôn (30/8/1985) bà Trần Thị N11 **16 tuổi 10 tháng 20 ngày**, chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 6 Luật Hôn nhân gia đình năm 1959. Nay ông Nguyễn Quang H2 bà Trần Thị N12 cầu hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ chấp nhận. Công nhận quan hệ vợ chồng của ông Nguyễn Quang H2 bà Trần Thị N5 ngày **11/10/1985**.

- Về con chung, tài sản và nợ không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

[3] Từ những phân tích trên, thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay là thỏa đáng phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về lệ phí: Các đương sự không phải chịu lệ phí theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149, Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 6 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959; Khoản 6 Điều 3; Điều 8; Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ: điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Nguyễn Quang H2 bà Trần Thị N.

- Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Quang H2 bà Trần Thị N theo Giấy công nhận kết hôn số 212 quyển số 01 ngày 26/7/1985 của UBND xã H4, huyện H, tỉnh Bình Thuận cấp). Công nhận quan hệ vợ chồng của ông Nguyễn Quang H2 bà Trần Thị N5 ngày 11/10/1985.

2. Về lệ phí: Các đương sự không phải nộp lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Quang H2 Trần Thị N13 tiền 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0003150 ngày 02/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

3. Về kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định. Đương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết

định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã Hàm Phú;
- VKSND Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS Hàm Thuận Bắc;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Hà